

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68/2008/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày 22 tháng 12 năm 2008

### **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v quy định giá các loại đất năm 2009  
trên địa bàn huyện Đạ Te'h - tỉnh Lâm Đồng**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị quyết số 107/2008/NQ-HĐND ngày 11/12/2008 của HĐND tỉnh Khóa VII - Kỳ họp thứ 13 V/v thống nhất việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2009.

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2384/TTr-STC-GCS ngày 17/12/2008,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1.**

1. Ban hành kèm theo Quyết định này bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Đạ Te'h, đề:

a) Tính thuế đối với việc sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

b) Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Luật Đất đai năm 2003;

c) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003;

d) Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp Nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hóa, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2003;

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật;

f) Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003;

g) Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thì mức giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất không được thấp hơn mức giá quy định tại Quyết định này.

3. Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp người có quyền sử dụng đất thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê lại quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

## **Điều 2.**

1. UBND huyện Đa Tê'h có trách nhiệm xây dựng phương án điều chỉnh giá các loại đất trên địa bàn huyện Đa Tê'h trong các trường hợp sau:

a) Khi cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thay đổi mục đích sử dụng đất, loại đô thị, loại đường phố và vị trí đất làm cho giá đất tại đó biến động.

b) Khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, Nhà nước thu hồi đất và trường hợp doanh nghiệp Nhà nước tiến hành cổ phần hóa lựa chọn hình thức giao đất mà giá đất do UBND tỉnh quy định tại thời điểm giao đất, thời điểm có quyết định thu hồi đất, thời điểm tính giá đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì cùng với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và Cục Thuế thẩm định phương án điều chỉnh giá các loại đất trên đây, trình UBND tỉnh quyết định.

## **Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và thay thế Quyết định số 55/2007/QĐ-UBND ngày 18/12/2007 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc quy định giá các loại đất năm 2008 trên địa bàn huyện Đa Tê'h.

2. Các trường hợp trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, nếu chưa được giải quyết thì thực hiện theo Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Đa Tê'h; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./-

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
(Đã ký)

**Huỳnh Đức Hòa**

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2009**  
**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẠ TÊH - TỈNH LÂM ĐỒNG**  
 (Kèm theo Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND  
 ngày 22 tháng 12 năm 2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

**A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:**

*ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

STT	ĐỊA BÀN, KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
<b>I</b>	<b>Đường 3 tháng 2:</b>	
1	- Từ cầu sắt Đạ Tẻh đến giáp đường vào Bến xe cũ	816
2	- Từ giáp đường vào Bến xe cũ đến ngã tư chợ Đạ Tẻh	1.020
3	- Từ ngã tư Chợ đến ngã tư Ngân Hàng Nông nghiệp	1.440
4	- Từ ngã tư Ngân Hàng đến giáp đường vào Khu phố 1B.	900
5	- Từ giáp đường vào khu phố 1B đến hết trụ sở Công an huyện	660
6	- Từ giáp Công an huyện đến kênh N 6-8	480
<b>II</b>	<b>Đường Quang Trung</b>	
1	- Từ ngã tư Chợ đến hết tiệm Phôtô Hùng	1.440
2	- Từ giáp tiệm Phôtô Hùng đến ngã tư xí nghiệp Xây Dựng	1.080
3	- Từ ngã tư xí nghiệp Xây dựng đến cổng Trường tiểu học Quang Trung	600
4	- Từ cổng trường Quang Trung đến hết nhà ông Chu Quang Diện (T.7)	252
5	- Từ hết nhà ông Chu Quang Diện đến đường vào hội trường Khu phố 3B	200
6	- Từ ngã ba vào hội trường khu phố 3B đến hết thôn 7	100
<b>III</b>	<b>Đường Phạm Ngọc Thạch</b>	
1	- Từ đầu cầu Đạ Tẻh đến hết nhà ông Hoàng Văn Minh	840
2	- Từ hết nhà ông Hoàng Văn Minh đến hết trang trại ông Tấn	660
3	- Từ giáp trang trại ông Tấn đến cầu Đạ Mí	432
<b>IV</b>	<b>Đường 30 tháng 4</b>	
1	- Từ ngã tư Ngân hàng Nông nghiệp đến giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.020
2	- Từ giáp ngã tư Ngân Hàng đến đường vào Khu phố 1B + 5B nhà ông K`On và nhà ông Minh Tập)	1.020

3	- Từ ngã tư vào Khu phố 1B + 5B (nhà ông K`On và nhà ông Minh Tập) đến ngã ba giáp đường 26/3	900
4	- Từ ngã ba giáp đường 26/3 đến hết nhà ông Phùng Thế Tài.	800
<b>STT</b>	<b>ĐỊA BÀN, KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
<b>V</b>	<b>Đường Nguyễn Đình Chiểu</b>	
1	- Từ cây xăng đến giáp ngã 3 hội trường Khu phố 5B	900
2	- Từ ngã ba (hội trường Khu phố 5) đến hết đường	750
<b>VI</b>	<b>Đường 26 tháng 3</b>	
1	- Từ giáp đường 30/4 đến kênh N6-8	360
2	- Từ giáp kênh N6-8 đến hết đường	82
<b>VII</b>	<b>Đường tỉnh 725</b>	
1	- Từ hết nhà ông Phùng Thế Tài đến hết trụ sở Trung tâm Quản lý và Khai thác công trình công cộng	650
2	- Từ giáp Trung tâm Quản lý và Khai thác công trình công cộng đến cầu suối Đạ Bộ	450
3	- Từ suối Đạ Bộ đến giáp ranh xã Hà Đông	300
<b>IIIX</b>	<b>Các đường khác</b>	
1	- Từ ngã ba Hoài Nhơn đến kênh nông nghiệp 3A	200
2	- Từ kênh nông nghiệp 3A đến giáp ranh xã Quốc Oai	150
3	- Đường đi vào Khu phố 9	61
4	- Từ cầu Đạ Mí đến cống Bà Điều	60
5	- Đường vào thôn Tân Lập	48
6	- Đường vào Trung tâm Y tế huyện	612
7	- Đường quanh Chợ từ giáp đường 3 tháng 2 đến giáp đường Quang Trung	1.320

## B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:

*DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

<b>STT</b>	<b>ĐỊA BÀN, KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
<b>I</b>	<b>XÃ ĐẠ KHO :</b>	
	<b>Vị trí tiếp giáp đường tỉnh 721</b>	
1	- Từ dốc Ma Thiên Lãnh đến hết trường tiểu học Nguyễn Trãi	102
2	- Từ giáp trường tiểu học Nguyễn Trãi đến hết đường vào nghĩa trang thôn 5	200
3	- Từ đường vào nghĩa trang thôn 5 đến đỉnh dốc bà Sừ	300
4	- Từ đỉnh dốc bà Sừ đến cầu sắt Đạ Tẻh	504
	<b>Vị trí tiếp giáp đường Liên xã</b>	

STT	ĐỊA BÀN, KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
1	- Từ ngã ba Triệu Hải đến giáp nhà ông Phạm Văn Long	300
2	- Từ Nhà ông Long đến giáp ranh xã Triệu Hải	100
	<b>Vị trí tiếp giáp đường Liên thôn</b>	
1	- Từ Tỉnh lộ 721 đến giáp hội trường Thôn 9	40
2	- Từ hội trường thôn 9 đến hết Trường học Thôn 11	25
	<b>Các vị trí còn lại</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	20
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	16
<b>II</b>	<b>XÃ ĐẠ LẬY:</b>	
	<b>Vị trí tiếp giáp Tỉnh lộ 721</b>	
1	- Từ cầu Đạ Lậy đến giáp ngã ba vào trạm Y tế	120
2	- Từ ngã ba trạm Y tế đến giáp ngã ba vào thôn Thuận Hà	156
3	- Từ ngã ba thôn Thuận Hà đến hết Xưởng đũa Hoa Lâm	86
4	- Từ hết xưởng đũa Hoa Lâm đến ranh giới huyện Cát Tiên	50
	<b>Vị trí tiếp giáp đường Liên thôn</b>	
1	- Từ tỉnh lộ 721 vào hết trạm Y tế	36
2	- Đường từ Tỉnh lộ 721 vào đến giáp Nhà máy điều	60
3	- Đường thôn Liêm Phú vào đến 300 m	60
4	- Đường thôn Liêm Phú từ 300 m vào đến hết thôn	36
5	- Đường thôn Phước Lợi, Thuận Hà vào đến 300 m	25
6	- Đường thôn Thuận Lộc vào đến 300 m	48
7	- Đường thôn Thuận Lộc từ 300 m vào đến cuối thôn	30
	<b>Các vị trí còn lại :</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	16
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	13
<b>III</b>	<b>XÃ HƯƠNG LÂM:</b>	
	<b>Vị trí tiếp giáp Tỉnh lộ 721</b>	
1	- Từ đóc Mạ Oi đến đỉnh đóc Bà Gà	70
2	- Từ đỉnh đóc Bà Gà đến đỉnh đóc Dạ Hương	60
3	- Từ đỉnh đóc Dạ Hương đến cầu Đạ Lậy	110
	<b>Vị trí tiếp giáp đường Liên thôn</b>	
1	- Đường vào đội 12 đến ngã ba Hương Phong (hết nhà ông Sử Văn Thắng)	50
2	- Từ ngã ba Hương Phong đến Khe Tre	30
3	- Đường thôn Hương Vân 2	61
	<b>Các vị trí còn lại</b>	

STT	ĐỊA BÀN, KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	16
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	13
<b>IV</b>	<b>XÃ AN NHƠN:</b>	
	<b>Vị trí tiếp giáp Tỉnh lộ 721</b>	
1	- Từ cầu Đạ Mí đến ngã ba vào B5	120
2	- Từ ngã ba vào B5 đến chân dốc Mạ Oi	90
	<b>Vị trí tiếp giáp đường Liên thôn</b>	
1	- Từ ngã ba B5 vào đến cầu B5	30
2	- Từ cầu B5 đến núi Ép	20
3	- Từ ngã ba giáp Tỉnh lộ 721 vào Đạ Hàm	50
4	- Từ ngã ba Đạ Mí vào đến hết phân hiệu thôn 7 An Nhơn	48
5	- Từ phân hiệu thôn 7 An Nhơn vào hết buôn Tổ Lan	36
6	- Từ ngã ba Đạ Mí đi Đạ Hàm	24
7	- Các đường còn lại từ tỉnh lộ 721 vào đến 300m	30
	<b>Các vị trí còn lại :</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	16
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	13
<b>V</b>	<b>XÃ QUẢNG TRỊ:</b>	
	<b>Vị trí tiếp giáp đường Liên xã</b>	
1	- Từ cầu Quảng Trị đến hội trường Thôn I	50
2	- Từ hội trường Thôn I đến hết nhà làm việc cụm Tiểu khu 2	41
3	- Từ giáp nhà làm việc Tiểu khu 2 đến hết nhà bà Mận	36
4	- Từ nhà bà Mận đến cổng chào Thôn 6	30
5	- Từ cổng chào Thôn 6 đến giáp cầu máng Hà Đông	30
6	- Từ cầu Máng Triệu Hải đến cổng chào Thôn 7	35
7	- Từ cổng chào thôn 7 đến cầu Khe Cáu; từ cổng chào thôn 7 đến hết nhà ông Lê Văn Nghiễn	30
	<b>Vị trí tiếp giáp đường Hương thôn</b>	
	- Các đường Hương thôn vào đến 300 m	16
	<b>Các vị trí còn lại</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	14
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	12
<b>VI</b>	<b>XÃ QUỐC OAI:</b>	
	<b>Vị trí tiếp giáp đường liên xã (Huyện lộ)</b>	
1	- Từ cầu sắt đến kênh N6-3	48
2	- Từ kênh N6-3 đến hết nhà ông Nguyễn Bá Tiến	72



STT	ĐỊA BÀN, KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
3	- Từ giáp nhà ông Nguyễn Bá Tiến đến cầu sắt Đạ Nha	36
4	- Từ cầu sắt đến hết Buôn Đạ Nha	20
	<b>Vị trí tiếp giáp đường Hương thôn</b>	
1	- Các đường Hương thôn từ giáp đường liên xã vào đến 300m	16
	<b>Các vị trí còn lại</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	14
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	12
<b>VII</b>	<b>XÃ MỸ ĐỨC:</b>	
	<b>Vị trí tiếp giáp tỉnh lộ 725</b>	
1	- Từ ranh giới xã Hà Đông đến kênh ĐN6	156
2	- Từ mương ĐN6 đến hết đất nhà ông Tạ Minh Tiến	102
3	- Từ giáp nhà ông Tạ Minh Tiến đến hết nhà bà Trần Thị Thắng	156
4	- Từ giáp nhà bà Trần Thị Thắng đến cầu thôn 7 ( đường đất)	40
5	- Từ cầu thôn 7 đến hết nhà ông Ngô Tấn Hùng	30
	<b>Vị trí tiếp giáp đường Hương thôn</b>	
1	- Từ ngã ba Mỹ Đức đến hết nhà bà Nguyễn Thị Hằng	60
2	- Từ giáp nhà bà Nguyễn Thị Hằng đến chân đập Hồ Đạ Tẻh	41
3	- Từ hết Trung tâm cụm xã đến nhà ông Đinh Văn Toàn	36
4	- Đường vành đai Trung tâm cụm xã	54
	<b>Các vị trí còn lại</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	20
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	15
<b>VIII</b>	<b>XÃ HÀ ĐÔNG:</b>	
	<b>Vị trí tiếp giáp tỉnh lộ 725</b>	
1	- Từ cầu Hà Đông đến giáp đường thôn 4,5	96
2	- Từ giáp đường thôn 4,5 đến ranh giới xã Mỹ Đức	120
	<b>Vị trí tiếp giáp đường hương thôn</b>	
1	- Các đường hương thôn từ giáp TL 725 vào đến 300m	40
2	- Từ giáp TL 725 vào đến hết Trung tâm cụm xã	102
3	- Từ hết Trung tâm cụm xã đến nhà bà Nguyễn Thị Sáu	50
	<b>Các vị trí còn lại</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	20
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	13
<b>IX</b>	<b>XÃ TRIỆU HẢI:</b>	
	<b>Vị trí tiếp giáp đường liên xã</b>	
1	- Từ ranh giới xã Đạ Kho đến đường vào vào Thác ĐaKaLa	70

STT	ĐỊA BÀN, KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
2	- Từ ngã ba đường rẽ vào Thác ĐaKaLa đến ranh giới xã Dạ Pal	45
3	- Từ ngã tư UBND xã Triệu Hải đến giáp xã Quảng Trị	45
	<b>Vị trí tiếp giáp đường Hương thôn</b>	
1	- Các trục đường Hương thôn vào đến 300 m	25
	<b>Các vị trí còn lại</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	20
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	15
<b>X</b>	<b>XÃ ĐẠ PAL:</b>	
	<b>Vị trí tiếp giáp đường liên xã</b>	
1	- Từ ranh giới xã Triệu Hải đến suối Giao Hà	60
2	- Từ suối Giao Hà đến chân dốc Tôn K'Long	40
	<b>Vị trí tiếp giáp đường Hương thôn</b>	
1	- Từ giáp đường liên xã đến thác Xuân Đài, đường vào thôn Xuân Phong	25
	<b>Các vị trí còn lại</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	13
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	12

### C. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP:

1. Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng, đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ); đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật, bằng giá đất ở cùng đường phố, vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất quy định tại mục A hoặc mục B trên đây.

2. Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, bằng 60% giá đất ở cùng đường phố, vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất quy định tại mục A hoặc mục B trên đây.

3. Đối với đất sử dụng vào các mục đích công cộng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP và các loại đất cho các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn liền với đất ở; đất làm nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động; đất đô thị được sử dụng để xây dựng nhà phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi động vật được pháp luật cho phép; đất xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; đất xây dựng nhà kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp, bằng 51% giá đất ở cùng đường



phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất quy định tại mục A hoặc mục B trên đây.

4. Đối với đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, bằng 30% giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất quy định tại mục A hoặc mục B trên đây.

#### **D. ĐẤT NÔNG NGHIỆP:**

- **Khu vực I:** thị trấn Đa Têh
- **Khu vực II:** các xã An Nhơn, Đa Kho.
- **Khu vực III:** thuộc địa bàn các xã còn lại.

1. Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản:

*ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	20,0	16,0	10,0
2	Khu vực 2	16,0	12,8	8,0
3	Khu vực 3	10,0	8,0	5,0

2. Đất trồng cây lâu năm:

*ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	12,0	9,6	6,0
2	Khu vực 2	9,6	7,7	4,8
3	Khu vực 3	6,0	4,8	3,0

- **Vị trí 1:** Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi 500m.

- **Vị trí 2:** Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi trên 500m đến 1.000m.

- **Vị trí 3:** Các vị trí còn lại.

3. Giá đất trong các trường hợp sau được quy định bằng 1,5 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn các xã;

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

4. Giá đất trong các trường hợp sau được quy định bằng 02 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn thị trấn.

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi thị trấn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

#### **E. ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT:**

*DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

<b>VỊ TRÍ</b>	<b>Vị trí 1</b>	<b>Vị trí 2</b>	<b>Vị trí 3</b>
<b>ĐƠN GIÁ</b>	6,0	4,8	3,0

- **Vị trí 1:** Là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ.

- **Vị trí 2:** là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường liên huyện, liên xã.

- **Vị trí 3:** Là những vị trí còn lại.

#### **F. ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẶC DỤNG VÀ RỪNG CẢNH QUAN:**

1. Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: tính bằng 90% giá đất rừng sản xuất cùng khu vực.

2. Đất rừng cảnh quan: tính bằng 110% giá cùng của đất rừng sản xuất khu vực.